

Số: 1748 /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với 34 ngành, nghề
đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo
dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai
đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ
sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách
hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số*

61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số 27/TTr-SLĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2024); ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng (tại Công văn số 2593/STC-GCSDN ngày 11 tháng 6 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với 34 ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024.

(Kèm theo Phụ lục I, Phụ lục II).

Điều 2.

1. Phạm vi điều chỉnh; đối tượng hỗ trợ; nguyên tắc hỗ trợ; điều kiện hỗ trợ; mức hỗ trợ chi phí đào tạo; mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại; lập kế hoạch và tổ chức đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo; thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học được thực hiện theo một trong các quy định sau: Mục 1 Chương IV Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 1719/QĐ-TTg, Quyết định số 90/QĐ-TTg, Quyết định số 263/QĐ-TTg và các quy định khác có liên quan.

2. Đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng tại Quyết định này là mức học phí tối đa để lập dự toán các lớp đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo, chưa bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho các đối tượng ưu tiên theo quy định. Đối với những ngành, nghề có chi phí hỗ trợ đào tạo (bao gồm chi phí hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại) lớn hơn mức hỗ trợ tối đa theo quy định hiện hành, thì cơ sở đào tạo chủ động sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách địa phương, hỗ trợ của doanh nghiệp và nguồn tài trợ hợp pháp khác để đảm bảo chi phí đào tạo.

Điều 3.

1. Đối với các địa phương đã hoàn thành các lớp đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ dưới 3 tháng và cấp chứng chỉ đào tạo trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ đào tạo cho người lao động đúng đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

2. Trường hợp chi phí đào tạo nghề (bao gồm học phí, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại (nếu có)) vượt mức quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 1719/QĐ-TTg, Quyết định số 90/QĐ-TTg, Quyết định số 263/QĐ-TTg, các địa phương, đơn vị, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo khác, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp tùy theo điều kiện, khả năng của ngân sách địa phương bố trí và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo chi phí đào tạo theo đúng quy định.

3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với việc đề xuất đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với 34 ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024; tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này.

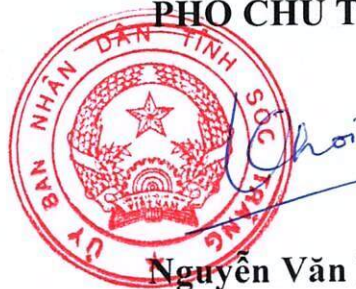
b) Chỉ đạo các phòng, đơn vị chức năng có liên quan khẩn trương hoàn thành việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 9 năm 2024 và tham mưu ban hành đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng trong năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *hlu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ LĐTBXH;
- TT. TU, TT HỒND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX *amb*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khởi

**Phụ lục I****ĐƠN GIÁ ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH,
NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 3 THÁNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1748 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên ngành, nghề	Đơn giá/học viên (đồng/tháng)
A	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố	
I	Ngành, nghề riêng lẻ	
1	Chăm sóc hoa kiểng, cây cảnh	800.000
2	Cắt, uốn tóc	500.000
3	Điện dân dụng	500.000
4	Kết cườm	600.000
5	Kỹ năng dẫn chương trình	800.000
6	Kỹ thuật cắm hoa	800.000
7	Kỹ thuật làm nail	400.000
8	Kỹ thuật trồng mía	1.000.000
9	Kỹ thuật xây dựng	400.000
10	Lắp ráp, cài đặt máy vi tính	400.000
11	Máy công nghiệp	700.000
12	Máy dân dụng	500.000
13	Nghệ thuật du lịch cộng đồng	800.000
14	Nhạc công ngũ âm	500.000
15	Nuôi ong mật	800.000
16	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	800.000
17	Quản lý dịch hại tổng hợp	800.000
18	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	800.000



19	Tin học văn phòng	400.000
20	Trang điểm	400.000
II	Ngành, nghề theo nhóm	
1	Trồng và nhân giống nấm (nấm bào ngư, nấm rơm, linh chi,...)	1.000.000
2	Trồng cây lương thực (lúa, bắp, khoai,...)	800.000
3	Trồng cây gia vị (hành, tỏi, ớt, tiêu,...)	800.000
4	Trồng trọt (các loại cây ăn quả)	800.000
5	Chăn nuôi (gia súc hoặc gia cầm)	800.000
6	Chăn nuôi hữu cơ (gia súc hoặc gia cầm)	1.000.000
7	Chế biến thực phẩm (nấu ăn hoặc pha chế thức uống)	700.000
8	Đan lát hàng thủ công mỹ nghệ	800.000
9	Kỹ thuật trồng màu (rau màu, rau hữu cơ, trồng rau an toàn,...)	800.000
10	Nuôi thủy sản (tôm, cua, cá, ếch, lươn, rắn,...)	1.200.000

* **Ghi chú:** Đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng tại Phụ lục này là mức học phí người/tháng theo từng ngành, nghề đào tạo làm cơ sở xác định giá đặt hàng đào tạo hoặc lập dự toán các lớp đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp hoặc dưới 3 tháng theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt (chưa bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho các đối tượng ưu tiên theo quy định)/.

**Phụ lục II****ĐƠN GIÁ ĐẶT HÀNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH, NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP,
ĐÀO TẠO DƯỚI 3 THÁNG ĐỐI VỚI NGHỀ LÁI XE Ô TÔ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1748 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Tên ngành, nghề	Đơn giá/học viên (đồng/khóa)
1	Lái xe ô tô hạng B2 và B1.1 (số tự động)	14.500.000
2	Lái xe ô tô hạng C	17.000.000
3	Lái xe ô tô hạng B2 lên hạng C	5.000.000
4	Lái xe ô tô hạng B2 lên hạng D	6.000.000

*** Ghi chú:**

1. Lớp đào tạo các nghề lái xe ô tô hạng B2, lái xe ô tô hạng B1.1 (số tự động), lái xe ô tô hạng C, lái xe ô tô hạng B2 lên D, lái xe ô tô hạng B2 lên D thực hiện theo chương trình của Tổng cục Đường bộ, Bộ Giao thông vận tải quy định.

2. Đơn giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp tại Phụ lục này là mức học phí người/khóa theo từng ngành, nghề đào tạo làm cơ sở xác định giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt (chưa bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho các đối tượng ưu tiên theo quy định)./.